

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã Tân N, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Mỹ L**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã Tân N, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2022; biên bản hòa giải ngày 07/6/2022 chị Ngô Thị H là nguyên đơn trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị H và anh L đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng do vợ chồng lo làm ăn và thiếu hiểu biết nên không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng hai

năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh L tuy vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Ngô Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Mỹ L.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/3/1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/2004. Hiện nay, con chung Nguyễn Văn N đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn, chị H đồng ý giao con chung Nguyễn Văn N cho anh L nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 07/6/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn Mỹ L trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh L thừa nhận lời trình bày của chị H về việc hai người chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng do vợ chồng lo làm ăn và thiếu hiểu biết nên không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị H. Vợ chồng tuy vẫn sống chung nhà nhưng chị H không còn quan tâm đến anh L, anh L có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đồng ý.

Hiện nay, anh L không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do còn thương vợ nên anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/3/1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/2004. Hiện nay, con chung Nguyễn Văn N đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn, anh L đồng ý nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Thị L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Ngô Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Mỹ L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Văn Mỹ L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 7, ấp 3, xã Tân N, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị H và anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 01 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn Mỹ L.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H và anh L thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1998 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị H và anh L có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, anh L thừa nhận đã tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành và thừa nhận không có kế hoạch nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn Mỹ L là vợ chồng.

- **Về con chung:** Chị H và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/3/1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/2004. Hiện nay, con chung Nguyễn Thị L đã trưởng thành, chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Nguyễn Văn N hiện đang sống với anh L. Căn cứ bản tự khai ngày 07/6/2022 và sự thỏa thuận của chị H, anh L sau khi ly hôn anh L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/2004. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/2004 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Do anh L là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị H và anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0009262 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn Mỹ L là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Mỹ L được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/10/2004. Chị Ngô Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/3/1999 đã trưởng thành, chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Chị Ngô Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009262 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà